

Số: /BC-UBND

Hoàng Thành, ngày 05 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình cải cách hành chính 6 tháng đầu năm Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Căn cứ Quyết định 4951/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 5272/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện về ban Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm 2024, trong đó tập trung vào các nội dung như: Công tác chỉ đạo, điều hành; Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; Cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; trong đó phân công cụ thể nhiệm vụ đối với từng công chức, bộ phận có liên quan và tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện việc niêm yết, công khai các quy định, quy trình giải quyết các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết.

Trong quý 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã tiếp tục thực hiện niêm yết các Quyết định công bố của UBND tỉnh Thanh Hóa về các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tại bảng niêm yết công khai các thủ tục hành chính của xã và trên cổng thông tin điện tử của xã để công dân thuận tiện tra cứu. Đồng thời ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 của Chủ tịch UBND xã về kế hoạch CCHC năm 2024; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 về kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2023 về tuyên truyền công tác CCHC năm 2024.

UBND xã tiếp tục thực hiện tốt quy tắc ứng xử, quy chế văn hóa, quy chế tổ chức, hoạt động và phối hợp của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo hướng hiện đại theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện việc niêm yết, công khai các quy định, quy trình giải quyết thủ tục hành chính của các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã; Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ công tác.

Duy trì họp Bộ phận Một cửa định kỳ hàng tháng để đánh giá việc tiếp nhận và trả kết quả, giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức có liên quan, kịp

thời khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót còn tồn tại trong công tác CCHC tại địa phương.

Làm các câu khẩu hiệu tuyên truyền trực quan tại các trục chính của xã như:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

- Cải cách thủ tục hành chính góp phần tích cực phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong quá trình thực thi công vụ là nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

- Sự hài lòng của nhân dân là mục tiêu phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về sử dụng các tiện ích trên cổng dịch vụ công quốc gia trên cổng thông tin điện tử xã, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân tra cứu thực hiện các thủ tục hành chính.

Tuyên truyền, vận động công dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính TTHC, dịch vụ bưu chính công ích.

Các hình thức tuyên truyền CCHC được thực hiện bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trực tiếp thông qua giải quyết thủ tục hành chính, tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh, tại các cuộc họp, hội nghị, đăng tải các tin, bài trên Cổng thôn tin điện tử...nhằm giúp Nhân dân nắm bắt các quy trình tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện, giải quyết công việc của công dân, đồng thời giúp CBCC cơ quan nắm bắt các nội dung công tác CCHC để tham mưu thực hiện có hiệu quả CCHC tại địa phương.

Đến thời điểm báo cáo, số hồ sơ trực tuyến đạt 100%, tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 40% trở lên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác triển khai thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật: UBND xã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 16/02/2024.

1.2. Công tác tự kiểm tra văn bản; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: UBND xã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 19/01/2024. Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2024 UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

1.3. Việc đăng ký, quản lý, ban hành và lưu trữ văn bản theo quy định: được lưu trữ bằng 2 hình thức: bản giấy và lưu trữ trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC):

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC: UBND xã đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2024 về ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024.

- Việc kiểm soát và công khai thủ tục hành chính tại cơ quan, đơn vị: 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết công khai tại bộ phận một cửa của UBND xã. Tổng số TTHC đến thời điểm hiện tại 235 TTHC/37 lĩnh vực; niêm yết công khai minh bạch tất cả các TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố từ quy trình, thời gian giải quyết, phí lệ phí theo quy định.

- Việc tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với những quy định về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành: Trong 6 tháng đầu năm 2024 UBND xã không có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về những khó khăn, vướng mắc về thành phần hồ sơ, biểu mẫu, phí, lệ phí liên quan đến TTHC.

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông:

- Số TTHC đưa vào thực hiện 235/235 tổng số TTHC đã được công bố; số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được phê duyệt quy trình nội bộ theo tiêu chuẩn ISO.

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến: Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến 201 thủ tục; số hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả ở DVC một phần và toàn trình: 789 hồ sơ.

- Việc triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích: 0 hồ sơ

- Kết quả giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị từ tháng 05/11/2023 đến 04/3/2024, gồm:

- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 900 hồ sơ. Trong đó:

+ Số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 789 hồ sơ (một phần = 570 hồ sơ ; toàn trình = 219 hồ sơ)

+ Số hồ sơ tiếp nhận qua BCCI: 0 hồ sơ

+ Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp: 111 hồ sơ

+ Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua: 0 hồ sơ

- Số hồ sơ đã giải quyết trả kết quả: 900 hồ sơ. Trong đó:

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả trước hạn: 694 hồ sơ

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả đúng hạn: 205 hồ sơ

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả quá hạn: 01 hồ sơ

- Số hồ sơ đang giải quyết: 0 hồ sơ.

- Việc cập nhật, số hóa thông tin hồ sơ TTHC trên phần mềm một cửa điện tử và kết quả giải quyết TTHC được thực hiện đảm bảo, đúng quy định 100% hồ sơ dịch vụ công, hồ sơ một cửa được số hóa trên hệ thống phần mềm.

- Thực hiện việc công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị: đảm bảo công khai đầy đủ, kịp thời trên Trang tin điện tử của địa phương và trên bảng tường tại bộ phận một cửa.

3. Về tổ chức bộ máy

- Tuân thủ các quy định của Chính phủ, Bộ ngành trung ương và của tỉnh, huyện trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý tổ chức bộ máy, công vụ, cán bộ, công chức, lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước, lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng, các quy định về phân cấp quản lý đất đai nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa xã với chính quyền các cấp gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, bảo đảm phát huy tính chủ động tại Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 về ban hành quy chế làm việc của UBND, nhiệm kỳ 2021–2026; Quyết định 161/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 về phân công nhiệm vụ cho UV.UBND và công chức chuyên môn thuộc UBND xã.

- Thực hiện đánh giá xếp loại hàng năm theo kế hoạch, hướng dẫn của UBND huyện.

- Triển khai thực hiện việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã: cơ bản đều hài lòng với việc giải quyết TTHC của cơ quan.

4. Về cải cách công vụ

- Xác định cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí việc làm là một công cụ quan trọng giúp cơ quan, đơn vị sử dụng được nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của công việc, là cơ sở để sắp xếp, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá người lao động một cách chính xác, khách quan, công bằng; tạo ra sự phân công công việc phù hợp, tránh sự chồng chéo trong chức năng, nhiệm vụ giữa các bộ phận trong đơn vị. Đến nay, hầu hết cán bộ công chức đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhận.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Thực hiện theo kế hoạch của cấp trên.

- Về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức: Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã. UBND xã thực hiện đánh giá vào quý IV hàng năm.

- Tổng số, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã đến thời điểm báo cáo là 20 người. Trong đó:

* **Cán bộ: 10 người**

+ Trình độ chuyên môn: Đại học: 10 người = 100%.

+ Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 10 người = 100 %.

*** Công chức: 10 người.**

+ Trình độ chuyên môn: Đại học: 10 người = 100%

+ Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 08 người = 80%.

5. Về tài chính công

Căn cứ Luật Ngân sách và các quy định của Chính phủ về quản lý tài chính công, UBND xã tiếp tục nâng cao hiệu quả lập và chấp hành dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thực hiện quản lý, sử dụng, thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định; sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm. Thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách hàng năm và công khai dự toán ngân sách của xã theo đúng quy định.

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương:

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 29/12/2023 về chuyển đổi số trong hoạt động cơ quan nhà nước xã Hoàng Thành năm 2024. Kết quả:

+ 100% cán bộ, công chức sử dụng thành thạo phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc, hộp thư điện tử công vụ, thực hiện tốt việc trao đổi văn bản điện tử thay thế cho văn bản giấy trong quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND xã (trừ văn bản mật). 100% văn bản trao đổi giữa cơ quan nhà nước dưới dạng văn bản điện tử.

+ Thực hiện tốt việc ký số văn bản trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, 100% văn bản được ký số theo quy định.

+ Phần mềm một cửa điện tử được các công chức chuyên môn chú trọng thực hiện, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử đạt yêu cầu.

+ Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến một phần và toàn phần: 201 TTHC; Số hồ sơ tiếp nhận trả kết quả qua dịch công trực tuyến một phần và toàn trình: 789/789 = 100%.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính trên địa bàn xã:

- Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, xây dựng hệ thống các quy trình một cách đồng bộ, khoa học, phù hợp với chính sách, mục tiêu chất lượng đề ra; thường xuyên cập nhật các TTHC được CT UBND tỉnh công bố sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và xây dựng, bổ sung quy trình TTHC theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 để thực hiện.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Kế thừa các trang thiết bị đã được đầu tư, nâng cấp và thay thế trang thiết bị không còn phù hợp để đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT trong hoạt động của UBND xã. Hệ thống mạng LAN, Internet tại UBND xã được kết nối đường truyền cáp quang tốc độ cao, việc truy

cập Internet luôn đảm bảo thông suốt đáp ứng việc ứng dụng CNTT trong tham mưu, giải quyết công việc chuyên môn. Tỷ lệ máy tính đạt 01 máy tính/cán bộ công chức, các phòng làm việc đều được trang bị máy in. Tại Phòng tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được trang bị máy photocopy, máy in, máy Scan đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Công tác cải cách hành chính luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; được Lãnh đạo UBND huyện, UBND xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất triển khai đồng bộ, bám sát theo các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh, của huyện về CCHC. Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các xã thực hiện nghiêm túc kế hoạch CCHC của UBND huyện. Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, kiểm soát. Tăng cường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành thực hiện nhiệm vụ, ... góp phần nâng cao chỉ số CCHC của cơ quan.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Trình độ sử dụng CNTT để thực hiện dịch vụ công trực tuyến của công dân trên địa bàn còn hạn chế; công dân quen sử dụng hồ sơ giấy và gặp trực tiếp công chức tiếp nhận để trao đổi trong quá trình hoàn thiện hồ sơ; việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI chưa đạt yêu cầu do công dân giải quyết TTHC chủ yếu trên địa bàn, cự ly ngắn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Cải cách thể chế

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản áp dụng quy phạm pháp luật; tập trung rà soát văn bản áp dụng quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến quyền, nghĩa vụ của tổ chức, người dân, doanh nghiệp; thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa các văn bản áp dụng quy phạm pháp luật; kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản trái pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc niêm yết, công khai TTHC theo thẩm quyền; rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết đồng thời kiến nghị cấp có thẩm quyền đơn giản hóa các TTHC để tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình giải quyết TTHC; thực hiện đồng bộ cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong quá trình giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa; thực hiện nghiêm việc niêm yết công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định về TTHC; chú trọng hơn nữa việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình và dịch vụ BCCI trên địa bàn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã theo kế hoạch.

4. Cải cách công vụ

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ, công chức.

- Nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, đạo đức công vụ và thực hiện nhiệm vụ.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện tốt các quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường các biện pháp để quản lý và đảm bảo nguồn thu, tập trung huy động các nguồn lực trong xã hội cho chi đầu tư phát triển.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Tiếp tục xử lý công việc của cơ quan hành chính trên môi trường số, triển khai có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình; thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. Duy trì có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

- Thực hiện tốt việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC Nhà nước 6 tháng đầu năm 2024. Vậy UBND xã báo cáo UBND huyện được biết.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ (b/c);
- CT, PCT.UBND xã (b/c);
- Các CC CM UBND xã (t/h);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sỹ

Phụ lục 01b

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI UBND XÃ HOÀNG THÀNH**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Kế hoạch CCHC		02 ngày 04/01/2024	
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	29	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	4	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số bộ phận chuyên môn cấp xã đã kiểm tra	Bộ phận chuyên môn	8	
1.1.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	2	
1.1.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	2	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	38	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	9	
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	60	
1.4.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	60	
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	0	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	02	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1	Thống kê TTHC		235	
3.1.1	Số TTHC/ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã công bố, công bố mới	Thủ tục	235	
3.1.2	Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục	235	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã	Thủ tục	130	
3.2.2	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	105	
3.2.3	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	105	
3.2.4	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ (theo tiêu chuẩn ISO)	%	100	
3.2.5	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.2.6	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ	900	
Trong đó	<i>Tiếp nhận trực tiếp</i>	Số lượng hồ sơ	111	
	<i>Tiếp nhận qua BCCI</i>	Số lượng hồ sơ	0	
	<i>Tiếp nhận trực tuyến một phần</i>	Số lượng hồ sơ	570	
	<i>Tiếp nhận trực tuyến toàn phần</i>	Số lượng hồ sơ	219	
3.3.2	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn, trước hẹn	Số lượng hồ sơ	330	
Trong đó	<i>Trả trực tiếp</i>		111	
	<i>Trả qua BCCI</i>		0	
	<i>Giải quyết trực tuyến một phần</i>		570	
	<i>Giải quyết trực tuyến toàn trình</i>		219	
3.3.3	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ	2	
3.3.5	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ	0	
3.4	Công khai kết quả giải quyết			
3.4.1	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết	900	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.2	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	900	
3.4.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục	201	
3.5	Số thu/ trường hợp đã công khai xin lỗi		1	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số liệu về biên chế cán bộ, công chức			
4.1.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	18	
4.1.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.1.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.1.4	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.4	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1	Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	Có ban hành KH = 1 Không ban hành KH = 0	0	
5.4.2	Số lượng, tỷ lệ đơn vị được kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	%	0	
5.4.5	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.6	Số lượng công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Đơn vị đã thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	0	
6.2	Đơn vị đã thực hiện Quy chế quản lý tài sản công	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	0	
7	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
7.1	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản		
7.2.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ tỉnh, huyện đến cấp xã	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.2.3	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn xã	Văn bản	550	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử			
7.4.1	Kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp huyện, tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.5	Dịch vụ công trực tuyến			
7.5.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến một phần	TTHC	139	
7.5.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình	TTHC	62	
7.6.	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	